

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/DS-PT
Ngày 11-02-2025
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
hợp tác*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hà Ngân

Các Thẩm phán tham gia: Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Quách Trọng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 107/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2025 đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Tuấn L, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Á, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Đình T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Ông Trần Thanh Đ và bà Võ Thị V; cùng địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ. tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Bà Lê Thị Hồng T2, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Bá T3, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Thôn F, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Ông Nguyễn Nhân T4, sinh năm 1955; bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1958 và anh Nguyễn Nhân T5, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Bà K có mặt; ông T4 và anh T5 - vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Ông Lê Tuấn X, sinh năm 1958 và bà Châu Thị Ngọc D, sinh năm 1961; cùng địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Ông Phạm Thanh T6, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Tuấn L và bà Trần Thị Á.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á trình bày: Tại nơi ông sinh sống thì nhà nước có chủ trương làm đường bê tông dài 500m phía giáp ngã ba đường liên thôn nên các hộ phía bên trong bao gồm cả gia đình ông bà đã họp bàn cùng góp tiền làm luôn đoạn đường tiếp giáp với đường nhà nước dự định làm (bao gồm cả phần 100m bị rút lại không làm). Chiều dài đoạn đường các hộ tham gia góp tiền là 500m gồm 10 hộ (hộ ông T6, hộ bà M, hộ ông L, bà Á; hộ ông T4; hộ bà T2; hộ ông Đ; hộ ông S; hộ ông T3; hộ ông T; hộ ông X) còn 01 hộ cuối đường không tham gia. Các hộ thống nhất số tiền phải đóng tính theo mét mặt đường đất là 350.000 đồng/m; gia đình ông bà có chiều dài mặt đường nhiều nên số tiền dự kiến phải đóng là 73.000.000 đồng; do số tiền quá lớn nên ông bà không đóng được nên các hộ có chiều dài mặt đường ít nhưng có diện tích rẫy nhiều cho thêm tiền để làm, trong đó hộ ông T4 cho 10.000.000 đồng; hộ ông Đ cho 10.000.000 đồng; hộ ông T cho 6.000.000 đồng; hộ ông Năm X1 cho 5.000.000 đồng. Sau khi thấy số tiền một số hộ cho thêm đã hơn 30.000.000 đồng nên ông bà đồng ý đóng 55.000.000 đồng, sau đó đóng thêm 1.000.000 đồng là 56.000.000 đồng. Các hộ cùng thống nhất ông T là người giữ số tiền các hộ nộp và chịu trách nhiệm tìm đơn vị thi công và chi trả tiền. Việc thống nhất phương thức tính tiền đóng và nhận tiền có ghi và các hộ ký tên trong sổ của ông T.

Sau khi các hộ góp tiền làm đường thì ông T nói ông T6 là nhà thầu lớn nhất huyện nên giao cho ông T6 làm nên ông bà đồng ý; sau đó ông T6 nhận thầu luôn đoạn đường 400m nhà nước và nhân dân cùng làm phía bên ngoài. Khi nhận thầu, ông T6 nói đoạn đường 100m đất mặt đường nhà ông T6 thì ông T6 bỏ thêm tiền để làm đường bê tông, 400m còn lại thì ông T6 vẫn làm đường nhựa, ông bà đồng ý và không có ý kiến. Quá trình ông T6 thi công thì các hộ dân biết, chứng kiến và không có ý kiến hay yêu cầu gì. Khoảng cuối tháng 12/2022 (âm lịch) thì ông bà có ý kiến về việc, làm đường nhựa sao toàn sỏi, nhưng không ai nói gì, sau đó ông bà nghe nói còn dư hơn 40.000.000 đồng thì ông T và các hộ dân khác đã chia nhau, nên ông bà có ý kiến để số tiền này phục vụ cho việc làm hai bên lề đường nhưng ông T và các hộ được chia tiền không đồng ý. Hiện nay con đường này lớp nhựa đã bị bong tróc còn toàn sỏi, không còn nhựa. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lại cho ông bà số tiền 12.000.000 đồng đã góp và phải làm lại đường nhựa với chiều ngang 4m, chiều dài 500m. Quá trình giải quyết vụ án ông bà rút yêu cầu khởi kiện đối với 12.000.000 đồng và thay đổi ý kiến về đường nhựa thành rộng 3m, dài 500m; không đồng ý với đoạn đường bê tông qua phần đất của ông T6 vì đường bê tông không chất lượng bằng đường nhựa.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Dương Đình T trình bày: Năm 2022 các hộ dân thuộc xóm C, thôn A, xã K thống nhất góp tiền làm đường của xóm nối vào đường nhà nước làm; tổng số hộ hợp là 11 hộ gồm: hộ ông Phạm Thanh T6, hộ ông Lê C, hộ ông Lê Tuấn X, hộ ông Nguyễn Nhân T4, hộ ông Lê Tuấn L, hộ ông Dương Đình T, hộ ông Trần Thanh Đ, hộ ông Nguyễn Bá T3, hộ bà Vũ Thị M, hộ ông Lê Văn S và hộ bà Lê Thị Hồng T2. Trước khi làm đường các hộ có làm đơn và cùng ký tên gửi UBND xã K và Thôn T là ông Nguyễn Đức H trình bày sự việc. Tại thời điểm làm đơn hộ ông Phạm Thanh T6 không có mặt nên không có tên trong đơn, nhưng sau này vẫn đồng ý tham gia và đóng tiền. Hộ ông Lê C ban đầu đồng ý tham gia nhưng sau đó không tham gia nên không có tên trong danh sách góp tiền; đoạn đường đến rẫy hộ ông Lê C không được làm. Ông được các hộ trong xóm giao cho việc nhận và lập danh sách các khoản tiền đóng góp của các hộ gia đình và cùng với một số hộ khác đại diện tham gia ký kết hợp đồng thi công và chi trả tiền thi công; người nhận thi công là ông Phạm Thanh T6 (cũng tham gia đóng góp làm đường). Tham khảo đường của xóm khác thì thống nhất các hộ đóng theo mét mặt đường là 700.000 đồng/m, gia đình ông đã đóng là 22.400.000 đồng. Sau khi các hộ đóng tiền thì có một số hộ đóng nhưng chưa đủ nên một số hộ có ủng hộ thêm để đủ tiền làm đường,

ông tham gia ủng hộ 6.600.000 đồng. Khi họp làm đường thì thống nhất đường nhựa rộng 3m và hai bên lề đường đất rộng 1,5m (chiều rộng con đường là 6m); còn chiều dài là 500m. Trong các hộ tham gia đóng góp làm đường thì có ông Phạm Thanh T6 nhận thầu làm con đường và lập biên bản, họp đồng với đại diện xóm gồm có ông T, ông Đ, ông X và anh T5 (con ông T4). Lý do chỉ có đại diện các hộ nêu trên là vì các hộ đều đã thống nhất và có đại diện những người lớn tuổi, đại diện các hộ trẻ tuổi và các hộ tham gia chứng kiến cho khách quan. Khi thanh lý họp đồng thi công với ông Phạm Thanh T6 thì cũng có những người nêu trên. Khi làm đường thì ông T6 chỉ tính 600.000 đồng/m nên số tiền thực tế phải đóng tính theo mét mặt đường các hộ đã đóng còn dư nên được nhận lại sau khi trừ các chi phí phát sinh. Tổng số tiền đã thu làm đường là 314.525.000 đồng, số tiền ủng hộ là 27.675.000 đồng. Tổng cộng là 342.200.000 đồng. Tổng chi làm đường là 319.255.000 đồng, còn dư lại 22.945.000 đồng, ông T đã chi trả lại cho các hộ đóng dư. Đối với việc khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý vì ông chỉ là đại diện của xóm được cử để nhận tiền và chi trả các khoản tiền theo thống nhất ý kiến của xóm; ông không phải là người thi công nên không chịu trách nhiệm về chất lượng con đường; các hộ trong xóm thống nhất làm đường nhựa rộng 3m và có chiều dài như thực tế hiện nay, khi làm đường các hộ dân đều tham gia chứng kiến trong đó có hộ ông L, bà Á; khi ông T6 chuyển sang làm đường bằng bê tông đối với phần đi ngang qua đất ông T6 các hộ trong xóm cũng không ai có ý kiến; chất lượng đường từ khi làm xong cho đến nay không bị hư hỏng, đã đáp ứng được nhu cầu của đi lại của xóm, thời gian qua xe đi lại nhiều nhưng không bị ảnh hưởng, chỉ có lớp bề mặt không láng mịn như đường xóm khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị M, bà Võ Thị V, ông Lê Văn S, bà Lê Thị Hồng T2, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Nhân T5 và ông Lê Tuấn X trình bày: Năm 2022 các hộ thuộc xóm C, thôn A, xã K có thống nhất góp tiền để làm đường của xóm nối vào đường nhà nước làm. Khi họp làm đường thì thống nhất làm đường nhựa rộng 3m và hai bên lề đường đất rộng 1,5m (chiều rộng con đường là 6m); còn chiều dài đo hơn 490m nên làm tròn là 500m. Trong các hộ tham gia đóng góp làm đường thì có ông Phạm Thanh T6 nhận thầu làm con đường và lập biên bản, họp đồng với ông T. Con đường hiện nay đã đáp ứng được nhu cầu của xóm nên không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá T3 trình bày: vợ chồng ông (vợ là bà Nguyễn Thị P) có rẫy tại

thôn A, xã K nên có cùng với các hộ trong xóm góp tiền làm đường nhựa, do tôi bị nặng tai (nghe không rõ) nên mọi việc do bà P tham gia và quyết định. Nay nguyên đơn khởi kiện ông T yêu cầu làm lại đường nhựa và trả lại tiền đóng góp thì ông không có ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Thanh T6 trình bày: Ông là người nhận thi công vì ông vừa làm được cho xóm, vừa làm được cho ông vì cũng có phần đất làm đường đi ngang qua. Trước khi làm đường ông và đại diện của một số hộ dân đã lập hợp đồng thi công đường giao thông nông thôn, ký kết hợp đồng có ông và các ông Dương Đình T, Nguyễn Nhân T5, Trần Thanh Đ và Lê Tấn X2; đơn giá thi công là 200.000 đồng/m²; công trình được thi công theo các công đoạn và chất lượng ghi trong hợp đồng. Sau khi làm xong ông và đại diện các hộ trong xóm đã thanh lý hợp đồng, ông đã nhận đủ 300.000.000 đồng từ ông Dương Đình T. Đối với việc khởi kiện của nguyên đơn có ý kiến như sau: Con đường ông làm đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng thi công, chất lượng con đường đảm bảo chắc chắn, không hư hỏng gì; bề mặt đường sau khi làm được phủ đá mi để không bị trơn trượt nên không thể láng mịn như đường bê tông; các hộ dân đều không có ý kiến chỉ trừ có ông L, bà Á. Đối với yêu cầu ông T trả lại 12.000.000 đồng tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 28-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã quyết định: Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 504, Điều 505, Điều 507, Điều 508, Điều 509 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á đối với ông Dương Đình T về việc trả lại 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á đối với ông Dương Đình T đối với yêu cầu làm lại đường nhựa có chiều rộng 3m, chiều dài 500m tại thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra Bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09-7-2024, ông Lê Tuấn L và bà Trần Thị Á kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận

việc yêu cầu ông T làm lại đường nhựa có chiều rộng 03m, chiều dài 50 tại thôn A, xã K, huyện Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Tuấn L và bà Trần Thị Á vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung, đánh giá chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tuấn L và bà Trần Thị Á, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 22/2024/DS-ST ngày 28-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm Viện kiểm sát, đối chiếu quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại một phần tiền đã góp để làm đường liên thôn và yêu cầu làm đường nhựa theo đúng thỏa thuận, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*". Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút yêu cầu trả lại 12.000.000 đồng (B1 53) nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2.2] Ông T được các hộ trong xóm thống nhất phân công nhiệm vụ trong việc nhận tiền mà các hộ đóng góp và chi tiền liên quan đến việc làm đường. Theo hợp đồng thi công ngày 02/11/2022 thì ngoài ông Dương Đình T, còn có ông Nguyễn Nhân T5, Trần Thanh Đ và ông Lê Tuấn X ký kết với ông Phạm Thanh T6 là bên thi công.

Nội dung thỏa thuận: Nâng cấp tuyến đường từ đường đất lên đường nhựa có chiều dài 500m, chiều rộng 3m; chiều dày mặt đường khi hoàn thiện 10cm, lề đường rộng 1,5m cho mỗi bên. Đường có kết cấu: giải phòng mặt bằng rộng 6m, dài 500m; mặt đường được gạt, lu bằng phẳng và chắc chắn; lòng đường được đổ đá 4cm x 6cm dày 10cm, sau đó lu và chèn đá 3cm x 4cm, sau đó lu và chèn đá 1cm x 2cm, lớp cuối là đá mi; mỗi mét vuông đường được xít 03kg nhựa đường; giá trị thi công là 200.000 đồng/m². Hợp đồng được thanh lý với số tiền là 1.500m² x 200.000 đồng = 300.000.000 đồng.

[2.3] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định đoạn đường ông T6 đã thi công có tổng chiều dài phía tay trái theo hướng đi từ đường bê tông vào trong (từ ngoài vào trong) là 521,7m và bên phải là 520,45m, trong đó phần

đường bằng bê tông là 33,2m còn lại là đường nhựa, vị trí đường mà ông T6 đã thi công đúng là vị trí đã được đo đạc trước khi làm đường. Trong quá trình ông T6 thi công làm đường các hộ tham gia góp tiền đều chứng kiến, nhưng không ai có ý kiến, các hộ dân tham gia đóng góp tiền làm đường (trừ ông Á, bà L) đều xác nhận chất lượng con đường đã đáp ứng nhu cầu của xóm. Ông T chỉ là một trong các thành viên của xóm tham gia ký kết hợp đồng thi công đường, bên thi công và chịu trách nhiệm về chất lượng con đường theo hợp đồng là ông T6. Ông L và bà Á là người có đầy đủ hành vi dân sự, ông bà thường xuyên đi lại trên con đường này, lẽ ra khi có vấn đề gì thì ông bà phải có ý kiến. Nhưng mãi đến khi phát sinh mâu thuẫn về số tiền được nhận lại thì ông bà khởi kiện ông T là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 28-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 504, Điều 505, Điều 507, Điều 508, Điều 509 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á đối với ông Dương Đình T về việc trả lại 12.000.000 (*mười hai triệu*) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á đối với ông Dương Đình T đối với yêu cầu làm lại đường nhựa có chiều rộng 3m, chiều dài 500m tại thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về chi phí tố tụng: ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á phải chịu 2.600.000 (*hai triệu sáu trăm nghìn*) đồng, được trừ vào 5.000.000 (*năm triệu*) đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp; hoàn trả lại cho ông L, bà Á 2.400.000 (*hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng còn lại.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 600.000 (*sáu trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001063 ngày 17

tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Tuấn L, bà Trần Thị Á mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002902 và 0002903 ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án huyện Đắk R'Lấp.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'lấp;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP; Tòa DS, Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Hà Ngân